

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT
BỆNH TẬT THÀNH PHỐ

Số: 2713 /TB-TTKSBT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 7 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc báo giá **Đo may áo quần phương tiện bảo vệ cá nhân**
của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố năm 2023

Kính gửi:.....

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố có nhu cầu Đo may áo quần phương tiện bảo vệ cá nhân năm 2023, để dự toán kinh phí của gói thầu phù hợp giá cả thị trường, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố kính mời quý đơn vị tham gia chào giá dịch vụ với nội dung như sau:

- Nội dung công việc gói thầu: đính kèm chi tiết nội dung công việc.
- Đơn giá báo giá bằng tiền đồng Việt Nam + tiền thuế VAT, giá đã trừ chiết khấu và các chi phí khác (nếu có).
- Ghi rõ các thời hạn giá trị cụ thể như sau:
 - o Thời hạn hiệu lực của Bảng chào giá.
 - o Tổng thời gian thực hiện hợp đồng, kể từ ngày ký hợp đồng
- Bảng chào giá gửi về: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố, địa chỉ số 366A Âu Dương Lân, phường 3, quận 8, TP. Hồ Chí Minh (người nhận: anh Nhân, 0985064443, phòng Tổ chức Hành chính) hoặc gửi zalo 0985064443.
- Thời hạn nhận báo giá đến hết ngày 13/7/2023. /: ✓

Nơi nhận:

- Danh sách đính kèm;
- Website HCDC;
- Bảng thông tin HCDC;
- Lưu: VT, TCHC.
(LHH-NLVN.03b)

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Tâm



**DANH SÁCH ĐO MAY ÁO QUẦN PHƯƠNG TIỆN BẢO VỆ CÁ NHÂN
CỦA TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ NĂM 2023**

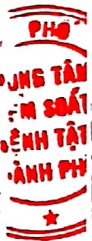
(Ban hành kèm theo Thông báo ngày 06/7/2023 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố về việc báo giá Đo may áo quần phương tiện bảo vệ cá nhân năm 2023)

TT	Mặt hàng	Mô tả chi tiết	SL	ĐVT
1	Áo blouse được sĩ (kiểu dáng theo Điều 7 TT 45/2015/TT- BYT)	a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải kate ford hoặc tương đương c) Kiểu dáng: Áo blouse, kiểu dài tay hoặc ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 2 túi chéo và 1 túi ngực, phía sau xẻ giữa tới ngang mông. d) Mũ: Màu sắc: Theo màu sắc của áo; Chất liệu: Theo chất liệu của áo. Thông số kỹ thuật vải kate ford : Mật độ vải (sợi/ inch) (ASTM D 3775-03A(DT)) : đọc 64 ; ngang 67 - Sự thay đổi kích thước sau khi giặt ở 40°C (%) AATCC 135-1995) : dọc -0.8, ngang -1.0 - Độ bền màu ma sát (cấp) (AATCC 8-1996) : 4-5 - Độ bền màu giặt ở 40 độ C (cấp) (AATCC 61-1A- 1996) : 4-5 - Độ bền màu mồ hôi Acid (cấp) (AATCC 15-1994) : 4-5 - Định tính và định lượng (%) (AATCC 20A-08): 66.6% polyester + 33.4% cotton	14	cái
2	Áo choàng Blouse (kiểu dáng theo Điều 4 TT 45/2015/TT- BYT)	a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải gabardine hoặc Kaki hoặc tương đương c) Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, kiểu dài tay, phía trước có 3 túi, phía sau xẻ giữa tới ngang mông. d) Mũ: Màu sắc: Theo màu sắc của áo; Chất liệu: Theo chất liệu của áo. Thông số kỹ thuật vải kaki : - Mật độ vải (sợi/ inch) (ISO 7211-2:1984)) : dọc 404 ; ngang 188 - Khổ vải (CM) (ISO 3932:1996) : 153 - Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801: 1977) : 196.8 - Sự thay đổi kích thước sau khi giặt ở 40°C (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2012) : dọc -0.7, ngang -0.1 - Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) : 0.37 - Độ bền xé rách (N).(ISO 13937-1:2000) : dọc 56,9 ; ngang 31,2 - Độ bền màu là nóng ở 150 độ C (cấp) (ISO 105- X11:1994)) : Khô 4-5 ; Ẩm 4-5 ; Ướt 4-5 - Định tính và định lượng (%) (AATCC 20A-08): 87.5% polyester + 12.5% cotton.	96	cái
3	Áo Quần lao động phổ thông (nhân viên ba diệt) (kiểu dáng theo Điều 13 TT 45/2015/TT-BYT)	1. Áo: a) Màu sắc: Màu xanh đen; b) Chất liệu: Vải kate ford hoặc tương đương c) Kiểu dáng: Áo kiểu bu đông ngắn tay, tay lơ vê, có nẹp cầu vai, 2 túi có nắp 2. Quần: a) Màu sắc: Màu xanh đen; b) Chất liệu: Vải kaki thun hoặc tương đương c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau. Thông số kỹ thuật vải kate cao cấp: + Mật độ vải (Sợi/10CM) (Iso 7211-2-84) : dọc 554;	10	Bộ



TT	Mặt hàng	Mô tả chi tiết	SL	ĐVT
		ngang 282. + Formaldehyde content (PPM) (Iso 14184-1-2011) : < 16 PPM + Khả năng kháng khuẩn : độ rộng vùng ức chế theo phương pháp thử AATCC 147-2016: chỉ tiêu E.coli (ATCC 25922) và Staphylococcus Aureus (ATCC 6538) + Độ bền màu giặt ở 40 độ C (cấp) (Iso 105-C06 A1S-02) : 4-5		
4	Áo Quần lao động phổ thông (nhân viên bảo vệ) (kiểu dáng theo Điều 12 TT 45/2015/TT-BYT)	1. Áo : a) Màu sắc: Màu xanh cô ban b) Chất liệu: Vải kate ford hoặc tương đương c) Kiểu dáng: Áo ngắn tay, có nẹp cầu vai, tay lơ vê, 2 túi có nắp 2. Quần: a) Màu sắc: Xanh đen; b) Chất liệu: Vải kaki; c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau.	34	bộ
5	Áo Quần lao động phổ thông (nhân viên kỹ thuật, thủ kho) (kiểu dáng theo Điều 13 TT 45/2015/TT-BYT)	1. Áo: a) Màu sắc: Màu xanh đen; b) Chất liệu: Vải kate ford hoặc tương đương c) Kiểu dáng: Áo kiểu bu đông ngắn tay, tay lơ vê, có nẹp cầu vai, 2 túi có nắp 2. Quần: a) Màu sắc: Màu xanh đen; b) Chất liệu: Vải kaki thun hoặc tương đương c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau.	38	bộ
6	Áo quần lao động phổ thông (nhân viên lái tàu) (kiểu dáng theo Điều 13 TT 45/2015/TT-BYT)	1. Áo: a) Màu sắc: Màu xanh đen; b) Chất liệu: Vải cotton hoặc tương đương c) Kiểu dáng: Áo kiểu bu đông ngắn tay, tay lơ vê, có nẹp cầu vai, 2 túi có nắp 2. Quần: a) Màu sắc: Màu xanh đen; b) Chất liệu: Vải kaki thun hoặc tương đương c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau. Thông số kỹ thuật vải cotton : Mật độ vải: 480 x 380 (sợi/icnh) (Iso 7211-2-84) - Formaldehyde Cotent (PPM) (Iso 14184-1-2011) : < 16 PPM (không phát hiện) - Khả năng kháng khuẩn : độ rộng vùng ức chế (AATCC 147-2016) : chỉ tiêu : E.coli (ATCC 25922), Staphylococcus Aureus (ATCC 6538) - Định tính và định lượng : 79% polyester + 15.2% Rayon + 5.8% Spadex - Độ bền màu giặt ở 40 độ C (cấp) (Iso 105-C06 A1S-02) : 4-5	8	bộ
7	Áo quần lao động phổ thông (nhân viên lái xe) (kiểu dáng theo Điều 13 TT 45/2015/TT-BYT)	1. Áo: a) Màu sắc: Màu xanh; b) Chất liệu: Vải kate ford hoặc tương đương c) Kiểu dáng: Áo kiểu bu đông ngắn tay, tay lơ vê, có nẹp cầu vai, 2 túi có nắp 2. Quần: a) Màu sắc: Màu xanh đen; b) Chất liệu: Vải kaki thun hoặc tương đương c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau.	20	bộ

TT	Mặt hàng	Mô tả chi tiết	SL	ĐVT
8	Áo Quần trang phục của hộ lý, kiểu dáng theo Điều 10 TT 45/2015/TT-BYT	<p>1. Áo :</p> <p>a) Màu sắc: Màu xanh dương hòa bình;</p> <p>b) Chất liệu: Vải kate sill hoặc tương đương</p> <p>c) Kiểu dáng: Áo kiểu ngắn tay, cổ trái tim cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông; phía trước 2 túi</p> <p>2. Quần:</p> <p>a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo</p> <p>b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo</p> <p>c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>3. Mũ:</p> <p>a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo;</p> <p>b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo.</p>	24	bộ
9	Áo quần vải trắng (bộ blouse XN kiểu dáng theo Điều 4 TT 45/2015/TT-BYT)	<p>1, Áo</p> <p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Chất liệu: Vải kate hoặc cotton hoặc tương đương;</p> <p>c) Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, kiểu dài tay hoặc ngắn tay, phía trước có 3 túi, phía sau xẻ giữa tới ngang hông.</p> <p>2, Quần</p> <p>a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo</p> <p>b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo</p> <p>c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p>	26	bộ
10	Áo quần vải trắng (Điều dưỡng viên, hộ sinh viên, y sĩ kiểu dáng theo Điều 5 TT 45/2015/TT-BYT)	<p>1. Áo:</p> <p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Chất liệu: Vải Gabardine hoặc kate ford hoặc cotton hoặc tương đương</p> <p>c) Kiểu dáng:</p> <p>- Áo kiểu dài tay hoặc ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi</p> <p>- Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm.</p> <p>2. Quần:</p> <p>a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo</p> <p>b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo</p> <p>c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>3. Mũ:</p> <p>a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo</p> <p>b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo</p>	82	bộ
11	Áo quần vải trắng (Trang phục của bác sĩ, kiểu dáng theo Điều 4 TT 45/2015/TT-BYT)	<p>1, Áo</p> <p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Chất liệu: Vải gabardine hoặc kaki hoặc tương đương</p> <p>c) Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, kiểu dài tay, phía trước có 3 túi, phía sau xẻ giữa tới ngang hông.</p> <p>2, Quần</p> <p>a) Màu sắc: theo màu sắc của áo</p> <p>b) Chất liệu: theo chất liệu của áo</p> <p>c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>3. Mũ: a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo;</p> <p>b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo.</p>	44	bộ
12	Áo Quần vải trắng (Trang phục của	<p>1. Áo :</p> <p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Chất liệu: Vải kate ford hoặc tương đương</p>	2	bộ



TT	Mặt hàng	Mô tả chi tiết	SL	DVT
	Được sĩ, kiểu dáng theo Điều 7 TT 45/2015/TT-BYT)	c) Kiểu dáng: Áo blouse, kiểu dài tay hoặc ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 2 túi chéo và 1 túi ngực, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. 2. Quần: a) Màu sắc: theo màu sắc của áo b) Chất liệu: theo chất liệu của áo c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. 3. Mũ: a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo.		
13	Áo quần vải trắng (Trang phục của Kỹ thuật viên kiểu dáng theo Điều 6 TT 45/2015/TT-BYT)	1. Áo : a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải kate ford hoặc kaki hoặc tương đương c) Kiểu dáng: Áo kiểu dài tay hoặc ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi. 2. Quần: a) Màu sắc: theo màu sắc của áo b) Chất liệu: theo chất liệu của áo c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. 3. Mũ: a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo.	6	bộ
14	Áo Quần vải xanh tay ngắn (bộ XN kiểu dáng theo Điều 5 TT45/2015/TT-BYT)	1. Áo: a) Màu sắc: Màu xanh; b) Chất liệu: Vải kate Mỹ hoặc cotton hoặc tương đương c) Kiểu dáng: - Áo kiểu ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi; - Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm. 2. Quần: a) Màu sắc: theo màu sắc của áo b) Chất liệu: theo chất liệu của áo c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Thông số kỹ thuật vải cotton chuyên dụng : - Mật độ vải (sợi/ 10cm)(ISO 7211-2-84) dọc x ngang: 510 x 232. -Formaldehyde content (PPM) (ISO 14184-1-2011): không phát hiện (< 16 PPM). -Độ bền màu giặt ở 40°C: phai màu: cấp 4; dây màu: cấp 4-5. -Khả năng kháng khuẩn: độ rộng vùng ức chế (AATCC 147-2016) (*), chỉ tiêu: E.coli ATCC 25922; Staphylococcus Aureus ATCC 6538.	21	bộ
15	Áo đồng phục đo môi trường (mẫu do Khoa BNN cung cấp)	a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải kate Mỹ hoặc tương đương c) Kiểu dáng: Áo kiểu bu đồng ngắn tay, tay lơ vê, có nẹp cầu vai, 2 túi có nắp.	38	bộ
16	Áo sơ mi ngắn tay (bao gồm phù hiệu trên cúc áo) và quần	1, Áo sơ mi nữ ngắn tay: màu trắng, cổ đút có chân, nẹp áo lật vào trong kiểu bu đồng, hai túi ngực có nắp, thân trước có hai ly chiết từ gấu lên ngực áo, thân sau cũng có hai ly chiết từ gấu lên.	84	bộ

TT	Mặt hàng	Mô tả chi tiết	SL	ĐVT
	tây xanh đen. (theo quy định về trang phục Kiểm dịch y tế biên giới theo Nghị định 89/2018/NĐ-CP) không bao gồm: nón kêpi, cầu vai, ve áo	2, Quần âu nữ: quần ôm hơi vẩy, màu xanh tím than, có hai túi thẳng ở thân trước và một túi coi đàng sau, hai ly chìm, túi thẳng. 3, Áo sơ mi nam ngắn tay: màu trắng, cổ đút có chân, kiểu bu đông, hai túi ngực có nắp. Nẹp lật vào trong, áo có măng séc, có một túi bên trái, bị túi đáy hơi lượn tròn, miệng túi may một đường 3 cm. 4, Quần âu nam: quần âu 1 ly bong thân trước, màu xanh tím than, có hai túi thẳng ở thân quần trước và một túi coi đàng sau, kiểu hai ply lật, cửa quần có khóa kéo, đầu cạp có một móc và một cúc nằm trong, có 6 địa chia đều, gấu quần làm chéch có mặt nguyệt. Chất liệu: Áo kate hoặc tương đương; Quần kaki xanh đen hoặc tương đương		
17	Cúc áo KDYTQT (13 ly)	Theo qui định của Nghị định 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018	601	nút
18	Cầu vai KDYTQT (kiểm dịch viên)	Theo qui định của Nghị định 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018	86	Cặp
19	Cầu vai KDYTQT (Trưởng khoa)	Theo qui định của Nghị định 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018	2	Cặp
20	Cầu vai KDYTQT (Giám đốc)	Theo qui định của Nghị định 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018	2	Cặp
21	Cầu vai KDYTQT (Phó Giám đốc)	Theo qui định của Nghị định 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018	4	Cặp
22	Ve áo KDYTQT	Theo qui định của Nghị định 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018	92	Cặp

Tổng cộng danh sách này gồm 22 mặt hàng./.

